

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày 23-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Duyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu

Bà Trịnh Thị Như Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 27/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sầm Thanh Đ; cư trú tại: Phố Đ, xã V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Đinh Trọng C; vắng mặt.

2. Bà Nông Thị N; vắng mặt.

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà xx, ngõ C (nay là ngõ C2), khối Đ, phường C, thành phố Lạng Sơn.

Cùng chỗ ở: Số 4x, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2018, bản tự khai ngày 04/01/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Sầm Thanh Đ trình bày:

Do quen biết qua buôn bán cùng nhau, ngày 10/7/2003 bà Sầm Thanh Đ cho vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N vay với số tiền 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Thời hạn vay không ấn định, chỉ thỏa thuận khi nào bà Sầm Thanh Đ cần tiền thì trả và hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Để làm bằng chứng vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N có viết Giấy vay tiền và đưa cho bà Sầm Thanh Đ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất để đảm bảo. Trong Giấy vay tiền có ghi tên chồng bà Lương Văn L, nhưng thực tế số tiền này là tiền riêng của bà không liên quan đến ông Lương Văn L, hiện nay giữa bà và ông Lương Văn L không còn quan hệ vợ chồng vì đã ly hôn năm 2017. Đến cuối năm 2007, vợ chồng ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N yêu cầu bà Sầm Thanh Đ cho mượn lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất để mang đi cầm cố lấy tiền về trả bà Sầm Thanh Đ, nhưng sau đó ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N không vay được tiền và cũng không đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Sầm Thanh Đ. Bà Sầm Thanh Đ đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N trả tiền, nhưng ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N cố tình trốn tránh không trả.

Ngày 09/4/2018 bà Sầm Thanh Đ đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và được Tòa án thụ lý vụ án, nhưng trong quá trình giải quyết vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N hứa sẽ trả dần 03 tháng một lần, mỗi lần là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), do tin tưởng nên bà Sầm Thanh Đ đã rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi trả cho bà Sầm Thanh Đ được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) vào ngày 18/6/2018, thì vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N không trả nợ tiếp mặc dù bà Sầm Thanh Đ đã nhiều lần yêu cầu.

Nay bà Sầm Thanh Đ yêu cầu ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi hàng tháng là 1,6%/tháng, tính từ ngày 01/7/2018 cho đến khi ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N trả xong nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2019, ngày 24/01/2019 và biên bản hòa giải ngày 24/01/2019 bị đơn ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N trình bày: Vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N thừa nhận được vay bà Sầm Thanh Đ số tiền 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng) về mua đất, số tiền này ông, bà đã trả bà Sầm Thanh Đ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Cụ thể lần một vào năm 2003 trả 20.000.000 đồng, lần thứ hai trả 30.000.000 đồng vào ngày 18/6/2018. Nay ông bà chỉ còn nợ bà Sầm Thanh Đ 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng) và ông bà không đồng ý trả tiền lãi vì lúc vay tiền không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành mở phiên họp cho các đương sự kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi xét xử lần 1 vắng mặt không có lý do. Lần 2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 và Điều 288, 357, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thanh Đ. Buộc ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N liên đới chịu trách nhiệm trả nợ khoản tiền vay gốc 115.000.000 đồng và tiền lãi cho bà Sầm Thanh Đ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Bà Sầm Thanh Đ khởi kiện ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N hiện nay cùng cư trú tại huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Sầm Thanh Đ yêu cầu vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N trả số tiền là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 1,6%/tháng tính từ ngày 01/7/2018 đến khi trả xong nợ, yêu cầu của bà Sầm Thanh Đ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Ngày 10/7/2003, vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N vay tiền của bà Sầm Thanh Đ 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Việc vay nợ này được xác lập bằng Giấy vay tiền ngày 10/7/2003 và bị đơn ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải cũng thừa nhận có việc vay số tiền này với bà Sầm Thanh Đ. Đối với Giấy vay tiền có ghi tên ông Lương Văn L chồng bà Sầm Thanh Đ, nhưng

hiện nay giữa bà Sầm Thanh Đ và ông Lương Văn L không còn quan hệ vợ chồng vì đã ly hôn năm 2017, bà Sầm Thanh Đ khai số tiền này là tiền riêng của bà không liên quan đến ông Lương Văn L, lời khai này cũng phù hợp với đơn trình bày của ông Lương Văn L ngày 16/4/2019 khẳng định ông không liên quan gì đến số tiền bà Sầm Thanh Đ cho vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N vay và số tiền này là tiền riêng của bà Sầm Thanh Đ, nên Hội đồng xét xử xác định đây là khoản tiền riêng của bà Sầm Thanh Đ, ông Lương Văn L không liên quan đến vụ án. Việc vay nợ này, ngày 18/6/2018 vợ chồng ông Đinh Trọng C bà Nông Thị N đã trả cho bà Sầm Thanh Đ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Nay ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N còn nợ bà Sầm Thanh Đ số tiền là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng). Việc vay tài sản hai bên hoàn toàn tự nguyện, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Sầm Thanh Đ và vợ chồng ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N là có thật và hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thanh Đ là hợp pháp, vì khi vay tiền ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N đã tự viết Giấy vay tiền ngày 10/7/2003 có chữ ký và họ tên của ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N, cùng với sự thừa nhận của ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N tại các biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2019; ngày 24/01/2019 và phiên hòa giải ngày 24/01/2019. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N còn nợ bà Sầm Thanh Đ số tiền là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng).

[6] Xét yêu cầu của bà Sầm Thanh Đ về tiền lãi 1,6%/tháng đối với số tiền vay là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng), tính từ ngày 01/7/2018 đến khi trả xong nợ là cao, vì theo Giấy vay tiền ngày 10/7/2003 thì bà Sầm Thanh Đ và vợ chồng ông Đinh Trọng C, bà Nông Thị N là không tính lãi và cũng không có thỏa thuận khác. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định là 20%/năm tức là 10%/năm. Căn cứ theo quy định của Bộ luật Dân sự thì tiền lãi của bà Sầm Thanh Đ được tính từ ngày 01/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2019 là: 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) x 10%/năm x 10 tháng 22 ngày = 10.286.110 đồng (mười triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm mười đồng).

[7] Đối với việc vợ chồng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N chỉ chấp nhận trả cho bà Sầm Thanh Đ số tiền 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng), vì cho rằng ngoài việc đã trả cho bà Sầm Thanh Đ 30.000.000 đồng, thì trước đó vợ chồng ông bà đã trả cho bà Sầm Thanh Đ 20.000.000 đồng, nhưng ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mình đã trả 20.000.000 đồng này và nguyên đơn cũng không thừa nhận là đã nhận khoản tiền 20.000.000 đồng. Do vậy, ý kiến của bị đơn ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N đưa ra là không có căn cứ để chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thanh Đ, buộc ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N phải trả cho bà Sầm Thanh Đ số tiền là 125.286.110 đồng, làm tròn là 125.286.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 115.000.000 đồng (một trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 10.286.110 đồng (mười triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm mười đồng).

[9] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thanh Đ được Tòa án chấp nhận nên bà Sầm Thanh Đ không phải chịu án phí. Bị đơn ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.264.300 đồng, làm tròn là 6.264.000 đồng (sáu triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng) theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Bà Sầm Thanh Đ đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.875.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Sầm Thanh Đ số tiền 2.875.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí Tòa án số AA/2012/05202 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468; 288 và 357, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thanh Đ.

2. Buộc ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Sầm Thanh Đ, tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/5/2019 là 125.286.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi

suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Bị đơn ông Đinh Trọng C và bà Nông Thị N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.264.000 đồng (sáu triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Sầm Thanh Đ số tiền 2.875.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí và lệ phí Tòa án số AA/2012/05202 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA dân sự H.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Duyệt